

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/DS-PT

Ngày: 31 - 8 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Mạnh Hùng

Ông Bùi Hữu Nhân

***- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lâm Đồng.***

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.***

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2021/TLPT-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 205/2021/QĐ-PT ngày 02/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Trần Văn Q, sinh năm 1975

Bà Lê Thị B, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ dân phố BL, thị trấn ĐV, huyện LH, Lâm Đồng

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn PL, xã PT, huyện LH, Lâm Đồng. Theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021

Bị đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn BS, xã PT, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng

Người làm chứng:

Bà Đặng Thị Ch, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 5, xã ML, huyện LH, Lâm Đồng

Do có kháng cáo của: Bà Phan Thị H – Bị đơn

(Ông Q, bà H có mặt, bà Ch vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì:

Ông Trần Văn Q và bà Phan Thị H trước đây có quen biết nhau nên ông Q có cho bà H vay mượn tiền nhiều lần cụ thể:

Ngày 17-8-2016 ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B cho bà Phan Thị H vay 400.000.000 đồng, mục đích vay về để đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ đến ngày 05-9-2016. Khi vay tiền ông Q, bà B đã giao tiền đầy đủ và bà H đã ký và viết vào giấy vay tiền.

Ngày 18-8-2016, ông Q, bà B tiếp tục cho bà H vay số tiền 170.000.000 đồng, mục đích vay về để đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ đến ngày 05-9-2016. Khi vay tiền ông Q, bà B đã giao tiền đầy đủ và bà H đã ký và viết vào giấy vay tiền.

Ngày 22-8-2016, ông Q, bà B cho bà H vay số tiền 200.000.000 đồng, mục đích vay về để đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ đến ngày 25-8-2016. Khi vay tiền ông Q, bà B đã giao tiền đầy đủ và bà H đã ký và viết vào giấy vay tiền.

Ngày 14-9-2016, ông Q, bà B tiếp tục cho bà H vay số tiền 550.000.000 đồng, mục đích vay về để đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất.

Tổng cộng ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B cho bà Phan Thị H vay tổng số tiền là 1.320.000.000 đồng.

Quá trình vay mượn bà Phan Thị H đã trả được cho ông Q, bà B được 80.000.000 đồng. Còn lại bà H vẫn nợ ông Q, bà B số tiền 1.240.000.000 đồng. Ông Q, bà B đã đòi rất nhiều lần nhưng bà H không chịu trả. Nay ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị H phải trả cho ông bà số tiền là 1.240.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, đơn trình bày, biên bản hòa giải bà Phan Thị H và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa bà H với ông Trần Văn Q có mối quan hệ quen biết với nhau. Bà H và ông Q có thỏa thuận với nhau cùng góp vốn để làm ăn. Trong tất cả các giấy

nhận nợ với ông Trần Văn Q cụ thể: Ngày 17-8-2016 vay 400.000.000 đồng; ngày 18-8-2016 vay 170.000.000 đồng; ngày 22-8-2016 vay 200.000.000 đồng; ngày 14-9-2016 vay 550.000.000 đồng; trong 04 giấy vay tiền trên bà Phan Thị H là người trực tiếp ký nhận nợ, tuy nhiên đây là ký giấy nợ với mục đích để hợp tác làm ăn với ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B. Nay phía nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H phải trả cho ông Q, bà B số tiền gốc là 1.240.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất thì bà H không đồng ý trả. Ngoài ra, bà H không có yêu cầu nào khác và không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai của người làm chứng bà Đặng Thị Ch trình bày:

Bà Đặng Thị Ch xác nhận bà có ký vào giấy cam kết ngày 26-6-2017 và giấy biên nhận ngày 06-11-2017 với tư cách là người làm chứng; thời điểm ký giấy biên nhận trên là do bà Phan Thị H nhờ bà ký để đưa cho xã hội đen, vì thời điểm này bà H bị xã hội đen đến đòi nợ nên đưa để họ không đòi bà H nữa; giấy biên nhận trên được viết tại nhà bà. Nay ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B khởi kiện bà Phan Thị H trả số nợ trên thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 42/2021/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bà Phan Thị H.

Buộc bà Phan Thị H phải trả cho ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B số tiền là 1.240.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/6/2021 bị đơn bà Phan Thị H có đơn kháng cáo đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà. Nội dung kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B đối với bà Phan Thị H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Phan Thị H phải trả cho ông Q, bà B số tiền 1.240.000.000đ.

Bị đơn trình bày ý kiến giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đây là tiền hợp tác làm ăn chung giữa bà với ông Q chứ không phải tiền vay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà. Đơn kháng cáo của bà Phan Thị H thực hiện đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273. Điều 278, 279 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Phan Thị H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà thấy rằng:

Bà H thừa nhận toàn bộ chữ viết và chữ ký trong các giấy vay tiền ngày 17/8/2016, ngày 18/8/2016, ngày 22/8/2016 và 14/9/2016, tổng số tiền 1.320.000.000đ là của bà H. Tuy nhiên khi xem xét về nội dung tại mặt sau của giấy vay tiền ngày 18/8/2016 (BL 15) thể hiện *“tôi Phan Thị H có đứng giấy nhận nợ của anh Trần Văn Q 4 lần để đáo hạn chung trong hồ sơ 1.750.000.000, Lần 1: ngày 18/8/2016 là 170.000.000, lần 2: ngày 22/8/2016 là 200.000.000, lần 3 ngày 17/8/2016 là 400.000.000, lần 4 là ngày 14/9/2016 là 500.000.000, tổng 4 lần: 1.320.000.000... nay tôi nhờ lấy được của chị Lý Thị Bích Huệ 250.000.000đ trừ chi phí đi lại ăn uống thuê xe hơn một tháng hết tổng 70.000.000đ còn lại 180.000.000 chia 3 người, 1 – Quang được 80.000.000..., 2 – Hằng được 50.000.000đ.... 3 – Lụa được 50.000.000”* bên dưới có chữ ký và chữ viết Phan Thị H, Trần Văn Q và người làm chứng Đặng Thị Ch.

Giấy biên nhận đề ngày 06/11/2017 (BL 44): *“Tôi Phan Thị H Làm hồ sơ chung với ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị Lụa; tôi viết giấy vay tiền để đáo hạn của bà Lụa 1 giấy 430.000.000đ... ông Q 4 giấy vay vào các ngày 1) 18-8-2016 số tiền là 170.000.000đ 2) 22-8-2016 số tiền là 200.000.000đ 3) 17-8-2016*

số tiền là 400.000.000 đ 4) 14-9-2016 số tiền là 500.000.000đ. Giấy tôi ký vay ông Q bà Lụa tôi đòi được hồ sơ của bà Lý Thị Bích Huệ 1.750.000.000đ được tổng là 250.000.000đ chi phí hết 70.000.000đ còn lại 180.000.000đ, ông Q 80.000.000đ, bà H 50.000.000đ, bà Lụa 50.000.000đ” bên dưới có chữ ký của bà H, ông Q và người làm chứng Đặng Thị Ch

Như vậy, xuất phát ban đầu từ việc ông Q cho bà Hu vay số tiền 1.750.000.000đ, sau khi bà Hu không trả được tiền thì hai bên thống nhất chuyển số tiền trên sang chuyển nhượng quyền sử dụng đất và phát sinh “*tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” đã được Tòa án nhân dân huyện Di Linh giải quyết tại bản án số 32/2019/DS-ST ngày 04/10/2019 có lời khai của ông Q đã trình bày như sau: “Ngày 26/9/2016 bà Hu viết giấy cam kết ghi ngày 26/9/2016 vay của ông Q 1.750.000.000đ để mua đất, thỏa thuận sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng bà H sẽ thế chấp vay tiền ngân hàng để trả cho ông Q, nếu không trả được thì bà H phải chuyển nhượng đất cho ông Q. Do bà H không trả được tiền vay cho ông Q và đang thế chấp nhà, đất tại thị trấn Di Linh cho ngân hàng để vay 3,8 tỷ đồng, hai bên thỏa thuận ông Q đưa thêm 2.850.000.000đ để bà H trả nợ vay tại ngân hàng, xóa thế chấp và làm thủ tục chuyển nhượng nhà, đất cho ông Q với giá 8,4 tỷ đồng” . Tại giấy cam kết đề ngày 26/9/2016 thể hiện nội dung ông Q thừa nhận có cho bà H mượn số tiền 1.750.000.000đ để mua tài sản sang nhượng và sau khi giải chấp ngân hàng thì có trách nhiệm phải sang tên lại cho ông Q.

Đối chiếu với trình bày của bà H cho rằng việc bà có ký vào các giấy vay tiền của ông Q nhưng chưa được nhận tiền là hoàn toàn có cơ sở, bởi lẽ đây là khoản tiền ông Q, bà Lụa bỏ ra để cùng góp chung cho bà H vay. Sau khi không đòi được nợ từ bà H thì ông Q đã quay sang đòi tiền bà H và buộc bà H phải viết giấy cam kết và giấy nhận nợ như trên. Sau khi ông Q ủy quyền cho bà H tiếp tục đi đòi nợ bà H thì bà H đã đòi được số tiền 250.000.000đ và đã chia cho ông Q 80.000.000đ sự việc đã được khẳng định trong giấy biên nhận đề ngày 06/11/2017 (BL 44) và mặt sau của giấy vay tiền ngày 18/8/2016 (BL 15), phù hợp với lời khai của ông Q trong nội dung đơn khởi kiện đã nộp cho Tòa án ngày 19/02/2020 “....đến ngày 06/01/2017 bà H mới trả cho tôi được 80.000.000đ...”

Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở để khẳng định, đối với số tiền 1.750.000.000đ mà hiện nay ông Q, bà H đang tranh chấp đã được Tòa án nhân dân huyện Di Linh giải quyết tại bản án số 32/2019/DS-ST ngày 04/10/2019. Theo nội dung bản án đã tuyên buộc bà H có trách nhiệm phải trả cho ông Q số tiền 4,6 tỷ đồng (trong đó đã bao gồm cả khoản tiền 1.750.000.000đ mà các đương sự đang tranh chấp). Nay ông Q tiếp tục dùng các

giấy vay tiền được ký với bà H để khởi kiện lại trong vụ án này là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị H và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn Q phải chịu $36.000.000đ + 3\% \times (1.240.000.000đ - 800.000.000đ) = 49.200.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị H.
- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B đối với bị đơn bà Phan Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

2. Về án phí: Buộc ông Trần Văn Q, bà Lê Thị B phải chịu 49.200.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.600.000đ theo biên lai thu số 0007293 ngày 17/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Ông Q, bà B còn phải nộp số tiền 24.600.000đ (*Hai mươi bốn triệu, sáu trăm ngàn đồng*)

Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0015404 ngày 21/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND huyện Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (04);
- Lưu AV – HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Vân